

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 và Thông báo về việc thụ lý và tiếp tục giải quyết vụ án số 01/TBTL – TA ngày 03/7/2025 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Hà Tĩnh, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Diệu**

Sinh ngày: 01/8/1975

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường S, tỉnh Hà Tĩnh (Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cũ)

Người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn là ông: Nguyễn Xuân L, sinh năm 1987. Địa chỉ: tổ dân phố B, phường S, tỉnh Hà Tĩnh

Bị đơn: Ông **Nguyễn Nguyên Á**

Sinh ngày: 05/01/1971

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường S, tỉnh Hà Tĩnh (Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cũ)

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Nguyễn Gia T, sinh năm 1995, địa chỉ: Số E, đường N, tỉnh Hà Tĩnh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Nguyễn Nguyên Á: Luật sư Lê H – Văn phòng Luật sư Lê H thuộc Đoàn luật sư H3

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà: **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1946; Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố C, phường S, tỉnh Hà Tĩnh (Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cũ)

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị L1 là bà Đặng Thị Thúy H1, sinh năm 2001, địa chỉ: xã C, tỉnh Hà Tĩnh

+ Ông: **Nguyễn Đình V**, sinh năm 1940; Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố C, phường S, tỉnh Hà Tĩnh (Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cũ)

+ Ông: **Trần Văn D**, sinh năm 1982, địa chỉ cư trú: Số nhà E, đường Q, phường T, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Ngân hàng N2. Người đại diện hợp pháp: bà Lê Thu H2 - chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N2 – chi nhánh huyện K, Hà Tĩnh II.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83,84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 điều 26, điểm a khoản 5 điều 27, điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Diệu

Sinh ngày: 01/8/1975

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường S, tỉnh Hà Tĩnh (Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cũ)

Bị đơn: Ông Nguyễn Nguyên Á

Sinh ngày: 05/01/1971

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường S, tỉnh Hà Tĩnh (Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cũ)

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Trường T1, sinh ngày 25/4/2011 cho ông Nguyễn Nguyên Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Trường T1 đến lúc đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có quyết định thay đổi quyền nuôi con của Tòa án. Bà Phạm Thị D1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng anh Á.

Bà Phạm Thị D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự đã tự thoả thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự theo Biên bản thoả thuận tài sản chung như sau:

*** Giao cho bà Phạm Thị D1 được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu và định đoạt các tài sản gồm:**

+ Quyền sử dụng đất thừa đất số **35**, tờ bản đồ QHDC năm 2005, tại khu vực thủy văn xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là TDP B, phường S, tỉnh Hà Tĩnh), diện tích 200m² (đất ở: 200m²), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành **AM 224081**, số vào sổ cấp giấy chứng nhận **H 0011**, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 26/8/2008 mang tên ông Nguyễn Nguyên Á và bà Phạm Thị D1 (*theo kết quả đo đạc của Văn phòng phòng đăng ký đất đai chi nhánh K lập ngày 28/3/2024 là thừa đất số 307, tờ bản đồ số 05, diện tích 200m²*).

+ Quyền sử dụng thừa đất số **201**, tờ bản đồ số **7**, tại thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là TDP B, phường S, tỉnh Hà Tĩnh) có diện tích là 225,3m² (đất ở 221,4m²; đất trồng cây lâu năm 3,9m²), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **BU 885105**, do UBND huyện K cấp ngày 10/11/2014 mang tên ông Nguyễn Nguyên Á và bà Phạm Thị D1 (*theo kết quả đo đạc của Văn phòng phòng đăng ký đất đai chi nhánh K lập ngày 28/3/2024 là thừa đất số 201, tờ bản đồ số 7, diện tích 225,3m²*).

+ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH, biển kiểm soát 38K1-33555, giấy chứng nhận mang tên bà Phạm Thị Diệu .

+ Số tiền chênh lệch tài sản 50.000.000đ (năm trăm triệu đồng) do ông Nguyễn Nguyên Á thanh toán.

*** Giao cho ông Nguyễn Nguyên Á được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu và định đoạt các tài sản sau:**

+ Quyền dụng thừa đất số **384**, tờ bản đồ số **12** tại thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là TDP C, phường S, tỉnh Hà Tĩnh) có diện tích là 284,5m² (đất ở là 208,0m²; đất trồng cây lâu năm: 76,5m²), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **BU 885642**, số vào sổ **CH 01165**, do UBND huyện K cấp ngày 10/11/2014 mang tên ông Nguyễn Nguyên Á và bà Phạm Thị D1 và một căn nhà 3,5 tầng, có diện tích là 462m² cùng các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ tài sản trong nhà) (*theo kết quả đo đạc của Văn phòng phòng đăng ký đất đai chi nhánh K lập ngày 28/3/2024 là thừa đất số 384, tờ bản đồ số 12, diện tích 274,1m²*)

+ Quyền sử dụng thừa đất số **199**, tờ bản đồ số **7** tại thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là TDP C, phường S, tỉnh Hà Tĩnh) có diện tích là 219,0m² (đất ở 219,0m²), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 885104, do UBND huyện K cấp ngày 10/11/2014 mang tên ông Nguyễn Nguyên Á và bà Phạm Thị D1 (*theo kết quả đo đạc của Văn phòng phòng đăng ký đất đai chi nhánh K lập ngày 28/3/2024 là thừa đất số 199, tờ bản đồ số 07, diện tích 219m²*)

+ Quyền sở hữu và sử dụng thừa đất số **206**, tờ bản đồ số **7**, tại thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là TDP B, phường S, tỉnh Hà Tĩnh) có diện tích là 214,6m² (đất ở 211,1m²; đất trồng cây lâu năm 3,5m²), giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số **BU 885103**, do UBND huyện K cấp ngày 10/11/2014 mang tên ông Nguyễn Nguyên Á và bà Phạm Thị D1 (*theo kết quả đo đạc của Văn phòng phòng đăng ký đất đai chi nhánh K lập ngày 28/3/2024 là thửa đất số 206, tờ bản đồ số 07, diện tích 214,6m²*)

+ 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu Foturner màu trắng, biển kiểm soát 38A – 409.74, giấy chứng nhận mang tên ông Nguyễn Nguyên Á.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 38KA – 2894, giấy chứng nhận mang tên ông Nguyễn Nguyên Á.

+ Ông: Nguyễn Nguyên Á có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị D1 số tiền chênh lệch tài sản 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

- *Về nợ chung*: Ông Nguyễn Nguyên Á và bà Phạm Thị Diệu N Ngân hàng N2 chi nhánh K số tiền gốc là 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) và 633.699đ (sáu trăm ba mươi ba ngàn, sáu trăm chín mươi chín đồng) tiền lãi tính đến ngày 15/9/2025. Ông Nguyễn Nguyên Á nhận trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ trên và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho Ngân hàng N2 – chi nhánh K, Hà Tĩnh II.

Đối với khoản nợ 660.000.000 đồng, ông Trần Văn D đã rút yêu cầu khởi kiện độc lập, ông Nguyễn Nguyên Á tự nguyện chịu trách nhiệm trả cho ông Trần Văn D khi có yêu cầu.

- *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản*: Ông Nguyễn Nguyên Á và bà Phạm Thị D1 mỗi người tự nguyện chịu 10.000.000đ (mười triệu đồng). Số tiền trên bà Phạm Thị D1 đã nộp đủ nên ông Nguyễn Nguyên Á có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Phạm Thị D1 số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Đình chỉ giải quyết đơn yêu cầu độc lập của anh Trần Hải D2 về việc buộc vợ chồng ông Nguyễn Nguyên Á và bà Phạm Thị D1 phải trả cho ông Trần Hải D2 số tiền 660.000.000 đồng. Do ông Trần Hải D2 đã rút yêu cầu.

- Đình chỉ giải quyết đơn yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do bà L1 đã rút yêu cầu.

- *Về án phí*: Ông Nguyễn Nguyên Á tự nguyện nộp 9.531.685đ tiền án phí nợ chung. Bà Phạm Thị Diệu tự N1 nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 5.600.000đ (bằng chữ: năm triệu sáu trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005352 ngày 27/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Phòng T2 – Hà Tĩnh). Trả lại cho chị Phạm Thị D1 số tiền 5.450.000đ (năm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng). Trả lại cho anh Trần Văn D số tiền 22.500.000đ tạm ứng án phí

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002608 ngày 27/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND khu vực 2 – Hà Tĩnh;
- UBND Sông Trí;
- Phòng THA DS Khu vực 2;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Quang Dũng